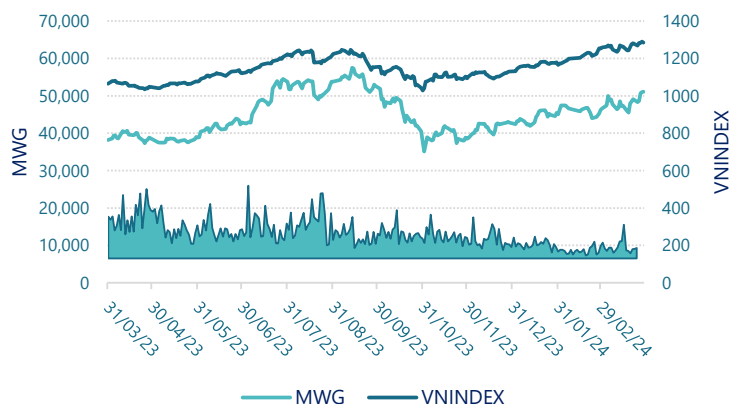


CTCP Đầu tư Thế giới Di động (HSX: MWG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	51,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	57,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,100
SL cổ phiếu LH	1,462,398,388
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,045,690
% sở hữu nước ngoài	44.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	74,729
P/E	71.2
EPS	717

DT thuần

Q1/24

31,486

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 65.0 | 0.2%

YoY: ▲ 4,380 | 16.2%

LN sau thuế

Q1/24

903

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 813 | 900%

YoY: ▲ 882 | 4139%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

1.8%

+/- YoY: ▼ 3.8%

DT thuần

2023

118,280

tỷ VNĐ

YoY: ▼15,125 | -11.3%

LN sau thuế

2023

168

tỷ VNĐ

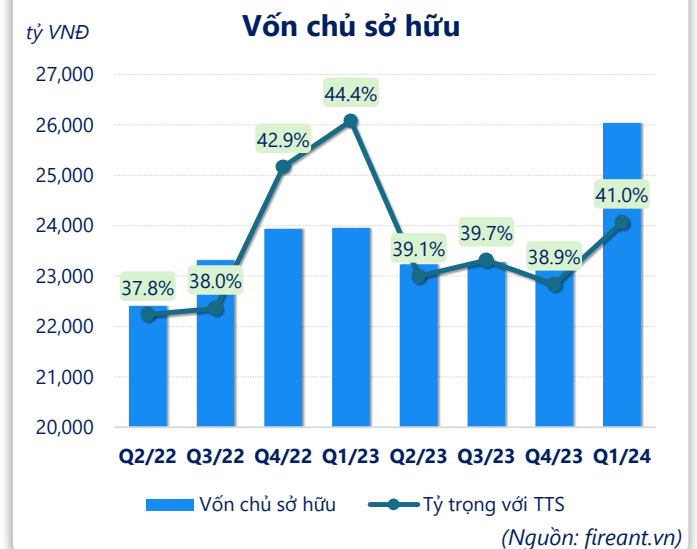
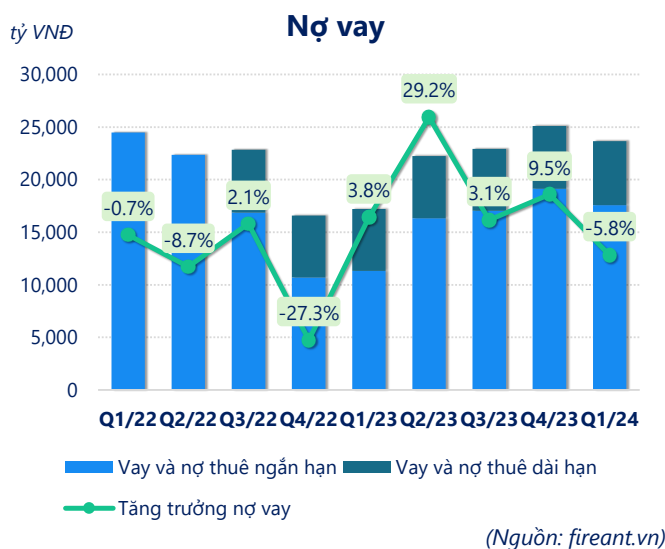
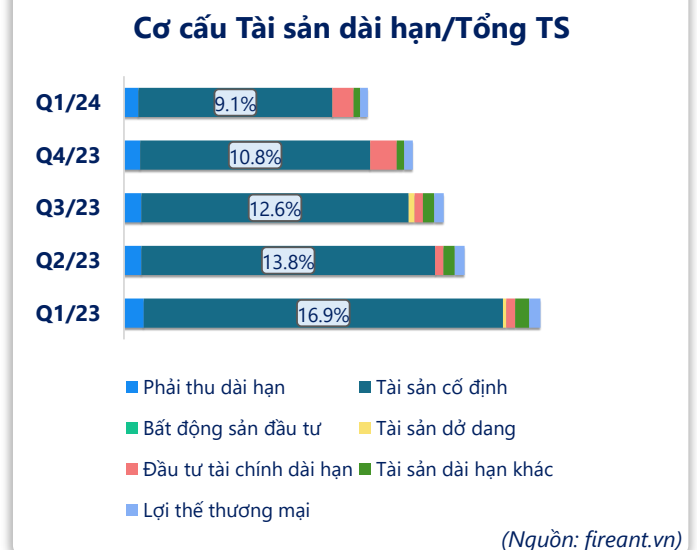
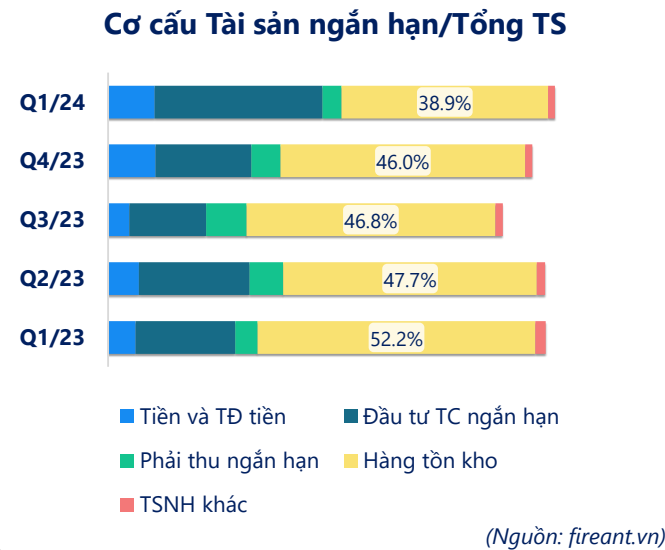
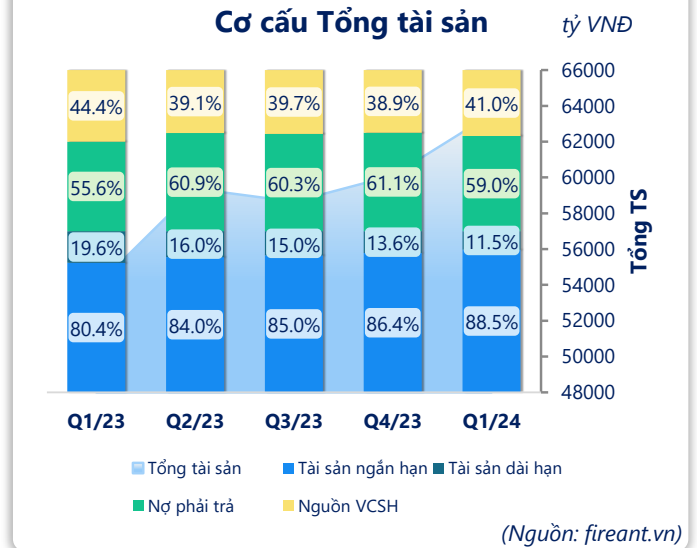
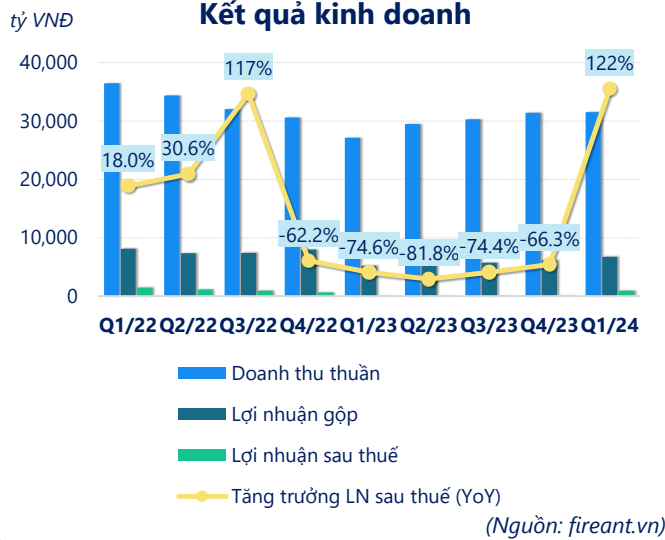
YoY: ▼3,934 | -95.9%

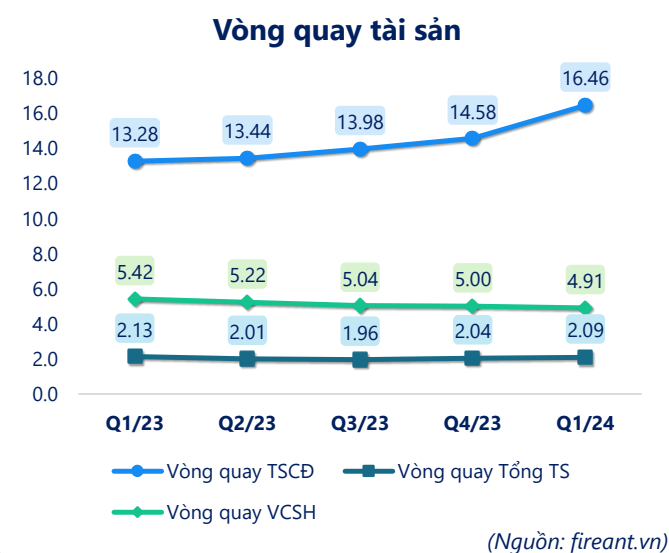
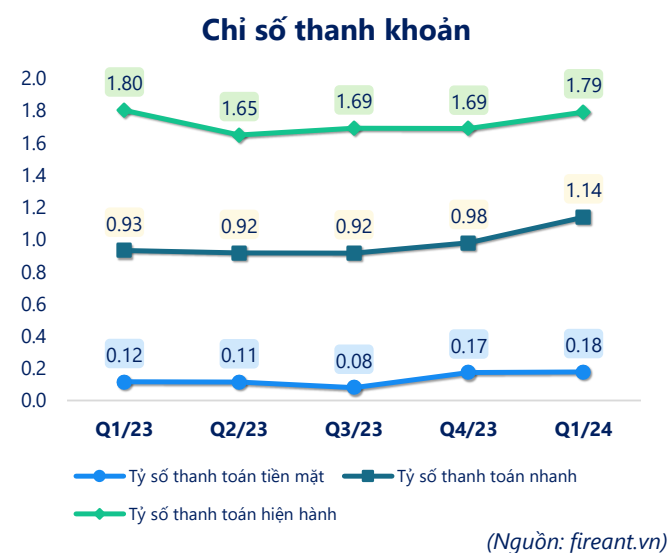
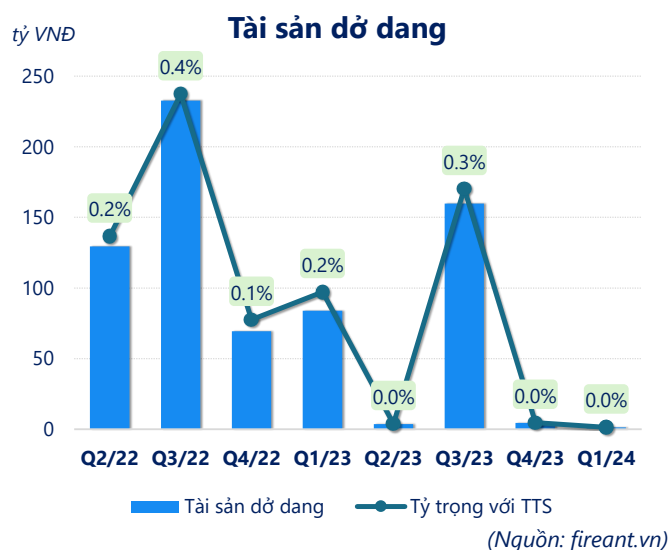
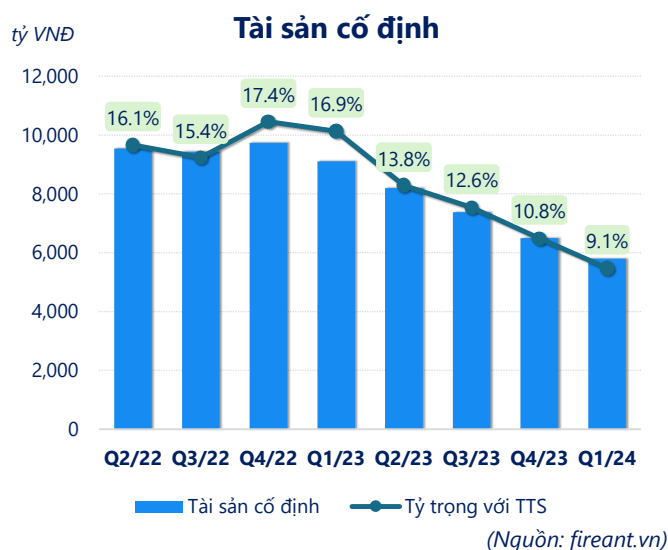
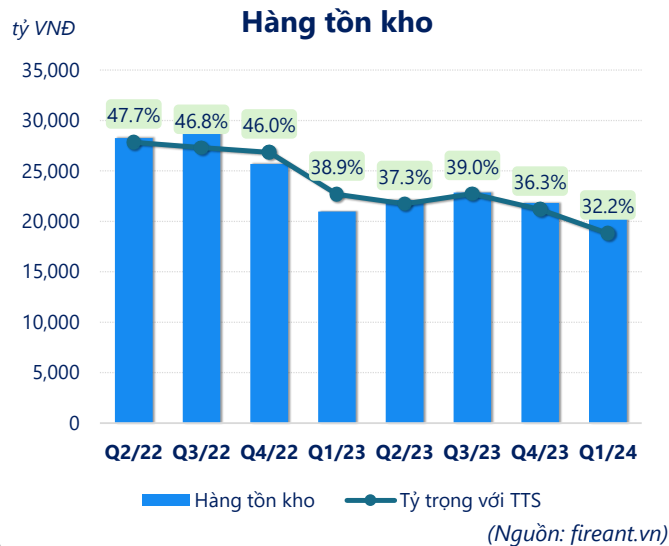
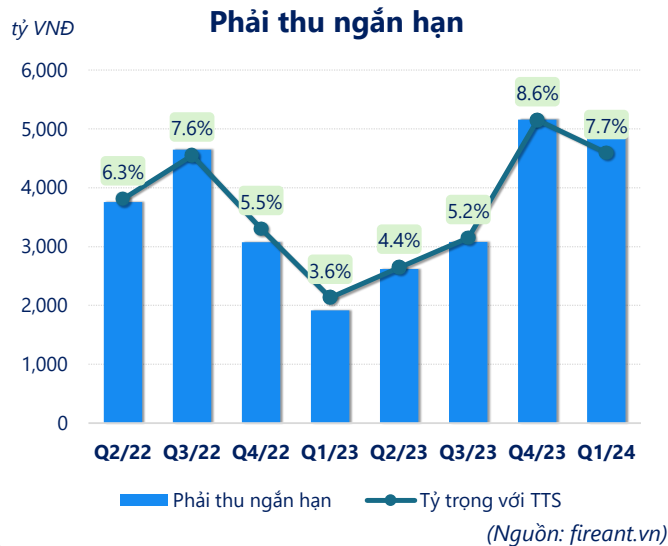
ROE

2023

0.7%

+/- YoY: ▼ 17.8%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	53,919	59,369	58,645	60,108	63,544
Tài sản ngắn hạn	43,359	49,859	49,825	51,947	56,259
Tiền và tương đương tiền	2,781	3,442	2,352	5,366	5,571
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17,028	20,979	20,902	18,937	24,673
Phải thu ngắn hạn	1,916	2,616	3,076	5,159	4,863
Hàng tồn kho	20,957	22,122	22,854	21,824	20,492
Tài sản ngắn hạn khác	676	700	642	661	660
Tài sản dài hạn	10,560	9,509	8,819	8,161	7,284
Phải thu dài hạn	503	487	480	458	429
Tài sản cố định	9,102	8,196	7,371	6,500	5,800
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	83.9	3.62	160	4.49	1.36
Đầu tư tài chính dài hạn	231	231	231	747	626
Tài sản dài hạn khác	349	316	317	207	197
Lợi thế thương mại	292	276	261	246	230
Nợ phải trả	29,966	36,136	35,375	36,748	37,509
Nợ ngắn hạn	24,064	30,237	29,475	30,762	31,421
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11,313	16,337	17,027	19,129	17,573
Phải trả người bán ngắn hạn	7,469	9,335	9,162	7,927	9,209
Nợ dài hạn	5,901	5,899	5,899	5,986	6,088
Vay và nợ thuê dài hạn	5,901	5,899	5,899	5,985	6,087
Nguồn vốn chủ sở hữu	23,953	23,232	23,270	23,360	26,034
Vốn chủ sở hữu	23,953	23,232	23,270	23,360	26,034
Vốn điều lệ	14,639	14,634	14,634	14,634	14,634
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)